

UBND THÀNH PHỐ TUY HÒA  
**TRUNG TÂM Y TẾ**  
Số: 11 /TB-TTYT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
Tuy Hòa, ngày 21 tháng 01 năm 2025

**THÔNG BÁO**  
**Về việc chào giá dự toán gói thầu: Mua sắm văn phòng phẩm năm 2025 (lần 3)**

Kính gửi: Quý Công ty, doanh nghiệp.

Căn cứ biên bản ngày 17/12/2024 của hội đồng mua sắm về nhu cầu Mua sắm Văn phòng phẩm phục vụ hoạt động khám chữa bệnh năm 2025 của khoa phòng thuộc Trung tâm Y tế TP Tuy Hòa.

Để có đủ căn cứ, cơ sở xem xét thực hiện kế hoạch mua sắm theo đúng Luật Đấu thầu. Trung tâm Y tế thành phố Tuy Hòa kính mời các đơn vị quan tâm, có khả năng cung cấp văn phòng phẩm gửi hồ sơ năng lực, bảng chào giá về Trung tâm Y tế TP Tuy Hòa.

Đề nghị Quý Công ty cung cấp báo giá cho chúng tôi qua đường bưu điện, thư công vụ hoặc gửi trực tiếp theo địa chỉ sau:

Tên cơ quan: Trung tâm Y tế thành phố Tuy Hòa

Bộ phận nhận báo giá: Đoàn Thị Thanh Ngoan – Nhân viên văn thư.

Địa chỉ: 273 Nguyễn Văn Linh, phường Phú Lâm, TP Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.

Thư công vụ: ttyttuyhoa.syt@phuyen.gov.vn

Điện thoại: 0257 3851050

**Yêu cầu hồ sơ báo giá gồm các tài liệu sau:**

- Bảng báo giá (hiệu lực báo giá tối thiểu 90 ngày kể từ ngày ký);
- Văn bản chứng minh Công ty có chức năng trong việc cung cấp văn phòng phẩm;
- Báo giá trọn gói bao gồm giá vật tư, giá vận chuyển, thuế phí và các loại phí khác (nếu có) do đại diện hợp pháp của Công ty ký tên và đóng dấu;
- Hợp đồng tương tự đã ký kết về việc cung ứng hàng hóa, dịch vụ tham gia chào giá (nếu có).

Thời gian nhận báo giá: Từ ngày đăng thông báo đến 15 giờ 00 phút ngày 07/02/2025.

Rất mong nhận được sự quan tâm, hợp tác của Quý Công ty. /s/

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Đăng Website UBND TP;
- Đăng Website TTYT;
- Lưu: VT, TCHC.



*Lê Huỳnh Linh*



Tuy Hòa, ngày 21 tháng 01 năm 2025

**DANH MỤC HÀNG HÓA, DỊCH VỤ**

(Kèm theo Thông báo số 11 /TB-TTYT, ngày 21 tháng 01 năm 2025 của TTYT TP)

| STT | Nội dung                                                                                                                    | ĐVT  | Hệ dự<br>phòng –<br>Dân số | Hệ<br>điều trị | Tổng<br>cộng | Ghi<br>chú |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|----------------------------|----------------|--------------|------------|
| 1   | Bấm giấy số 10                                                                                                              | Cái  | 20                         | 31             | 51           |            |
| 2   | Bấm giấy số 3                                                                                                               | cái  | 2                          | 1              | 3            |            |
| 3   | Bấm giấy số 3 (có thể xoay 3 chiều dễ<br>dàng đóng tài liệu)                                                                | cái  | 1                          | 0              | 1            |            |
| 4   | Băng keo 2 mặt 2 phân                                                                                                       | cái  | 2                          | 0              | 2            |            |
| 5   | Băng keo 2 mặt 5 phân                                                                                                       | Cuộn | 10                         | 0              | 10           |            |
| 6   | Băng keo đen 3 phân                                                                                                         | Cuộn | 0                          | 3              | 3            |            |
| 7   | băng keo simili 3 phân, màu xanh<br>durong, dài tối thiểu 18m/cuộn                                                          | Cuộn | 7                          | 4              | 11           |            |
| 8   | Băng keo Simili 5 phân, màu xanh<br>durong, dài tối thiểu 18m/cuộn                                                          | Cuộn | 21                         | 5              | 26           |            |
| 9   | Băng keo trong 5 phân, 80-100 yard                                                                                          | Cuộn | 44                         | 50             | 94           |            |
| 10  | Băng keo xanh 5 phân (thường), 80-100<br>yard                                                                               | Cuộn | 1                          | 13             | 14           |            |
| 11  | Bìa kính A4, nguyên liệu từ loại nhựa<br>trong suốt, 100 tờ/tập                                                             | tập  | 21                         | 4              | 25           |            |
| 12  | Bìa A4 màu hồng dày, không hoa văn,<br>180gsm                                                                               | tập  | 7                          | 0              | 7            |            |
| 13  | Bìa A4 màu vàng dày, không hoa văn,<br>180gsm                                                                               | tập  | 8                          | 0              | 8            |            |
| 14  | Bìa A4 màu xanh durong dày, không hoa<br>văn, 180gsm                                                                        | tập  | 13                         | 4              | 17           |            |
| 15  | Bìa A4 màu xanh lá cây dày, không hoa<br>văn, 180gsm                                                                        | tập  | 6                          | 0              | 6            |            |
| 16  | Bìa công A4 gáy 5 phân, màu xanh                                                                                            | cái  | 100                        | 0              | 100          |            |
| 17  | Bìa công A4 gáy 10 phân, màu xanh                                                                                           | cái  | 5                          | 0              | 5            |            |
| 18  | Bìa nhựa có nút, kích thước khổ A4<br>(25x32cm)                                                                             | Cái  | 416                        | 208            | 624          |            |
| 19  | Bìa nhựa không nút (bìa lá) A4                                                                                              | Cái  | 225                        | 70             | 295          |            |
| 20  | Bìa nhựa lỗ A4, dày 0.07mm                                                                                                  | Tập  | 10                         | 0              | 10           |            |
| 21  | Bìa rút gáy nhựa trong: Bìa được làm từ<br>nhựa PP trong suốt, có độ dẻo cao, dùng<br>cho giấy A4                           | cái  | 10                         | 0              | 10           |            |
| 22  | Bìa trình kí đôi màu đỏ, kích thước A4,<br>chất liệu PP cao cấp, vỏ bìa cứng, kẹp<br>thiết kế chắc chắn có thể giữ được tối | Cái  | 22                         | 0              | 22           |            |

*Handwritten signature*



| STT | Nội dung                                                                                                                                        | ĐVT | Hệ dự phòng – Dân số | Hệ điều trị | Tổng cộng | Ghi chú |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|----------------------|-------------|-----------|---------|
|     | thiếu 30 trang tài liệu. Hai góc kẹp được bọc nhựa                                                                                              |     |                      |             |           |         |
| 23  | Búa cao su đóng ghim tài liệu (Đầu búa làm bằng cao su; Đường kính đầu búa: 55mm)                                                               | cái | 1                    | 0           | 1         |         |
| 24  | Bút bi đen<br>Đường kính viên bi: 0.7mm; Cán bút bằng nhựa; viết trơn không bị chảy mực                                                         | cây | 47                   | 21          | 68        |         |
| 25  | Bút bi đỏ<br>Đường kính viên bi: 0.7mm; Cán bút bằng nhựa; viết trơn không bị chảy mực                                                          | cây | 40                   | 20          | 60        |         |
| 26  | Bút bi xanh<br>loại đầu bi 1 mm, cơ cấu bấm, thân tròn, giặt bút bằng kim loại mạ crom                                                          | cây | 120                  | 0           | 120       |         |
| 27  | Bút bi xanh<br>Đường kính viên bi: 0.7mm; Cán bút bằng nhựa; viết trơn không bị chảy mực                                                        | cây | 630                  | 760         | 1,390     |         |
| 28  | Bút bi xanh<br>Đường kính viên bi: 0.5mm; Cán bút bằng nhựa trong suốt; viết trơn không bị chảy mực                                             | cây | 97                   | 192         | 289       |         |
| 29  | Bút bấm bàn đôi (có thiết kế 2 bút trên 1 đế bấm, có băng keo hai mặt dưới đế bấm, ngòi 0.7mm)                                                  | Cây | 0                    | 34          | 34        |         |
| 30  | Bút chì ngòi 2B                                                                                                                                 | Cây | 36                   | 3           | 39        |         |
| 31  | Bút dạ quang 1 đầu ngòi 4.0mm                                                                                                                   | Cây | 27                   | 7           | 34        |         |
| 32  | Bút lông bằng (1 đầu ngòi 2.5mm)                                                                                                                | Cây | 9                    | 8           | 17        |         |
| 33  | Bút lông dầu (2 đầu bút kích thước: 0.8 mm và 6mm)                                                                                              | Cây | 15                   | 8           | 23        |         |
| 34  | Bút lông kim (2 đầu bút 1 mm và 0.4 mm)                                                                                                         | Cây | 1                    | 26          | 27        |         |
| 35  | Cờ phướng                                                                                                                                       | bộ  | 2                    | 0           | 2         |         |
| 36  | Cờ tổ quốc (kích thước 80x120 cm)                                                                                                               | lá  | 4                    | 0           | 4         |         |
| 37  | Dao rọc giấy 18mm                                                                                                                               | Cái | 3                    | 0           | 3         |         |
| 38  | Dây rút nhựa 40cm (100 cái/bì)                                                                                                                  | bì  | 0                    | 3           | 3         |         |
| 39  | Giấy photo, in ấn<br>Khổ giấy A3 loại ≥70gsm, Chất lượng giấy: trắng đẹp, láng mịn, không muối giấy, không kẹt giấy, màu trắng sáng, 500 tờ/ram | Ram | 1                    | 0           | 1         |         |
| 40  | Giấy Ford A4 màu hồng 70gsm – 80 gsm                                                                                                            | Tập | 2                    | 0           | 2         |         |
| 41  | Giấy Ford A4 màu vàng 70gsm – 80 gsm                                                                                                            | tập | 2                    | 0           | 2         |         |
| 42  | Giấy Ford A4 màu xanh dương 70gsm – 80 gsm                                                                                                      | tập | 2                    | 0           | 2         |         |

*ane*



| STT | Nội dung                                                                                                                                                    | ĐVT  | Hệ dự phòng – Dân số | Hệ điều trị | Tổng cộng | Ghi chú |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|----------------------|-------------|-----------|---------|
| 43  | Giấy Ford A4 màu xanh lá cây 70gsm – 80 gsm                                                                                                                 | tập  | 2                    | 0           | 2         |         |
| 44  | Giấy in, photocopy<br>Khổ giấy A4 loại $\geq 70$ gsm, Chất lượng giấy: trắng đẹp, láng mịn, không muội giấy, không kẹt giấy, màu trắng sáng, 500 tờ/ream    | ream | 645                  | 966         | 1,611     |         |
| 45  | Giấy in, photocopy<br>Khổ giấy A4 loại $< 70$ gsm, Chất lượng giấy: trắng đẹp, láng mịn, không muội giấy, không kẹt giấy, màu trắng sáng, 500 tờ/ream       | ream | 0                    | 24          | 24        |         |
| 46  | Giấy in, photocopy<br>Khổ giấy A5 loại $\geq 70$ gsm, Chất lượng giấy: trắng đẹp, láng mịn, không muội giấy, không kẹt giấy, màu trắng sáng, 500 tờ/ream    | ream | 24                   | 583         | 607       |         |
| 47  | Giấy A5 xanh, định lượng $< 70$ gsm                                                                                                                         | Cái  | 0                    | 4           | 4         |         |
| 48  | Giấy Stick màu vàng (Note) 3x3"                                                                                                                             | Tập  | 24                   | 12          | 36        |         |
| 49  | Giấy Stick nhiều màu (nhựa)<br>Kích thước 12mmx44mm; 5 màu, 20 tờ/màu                                                                                       | Tập  | 194                  | 25          | 219       |         |
| 50  | Giấy than: Khổ A4, 100 tờ/tập                                                                                                                               | Tập  | 5                    | 0           | 5         |         |
| 51  | Gỡ kim: làm bằng chất liệu thép bền bỉ, có độ cứng cao, bọc lớp nhựa bên ngoài giúp thao tác êm tay và chống trơn trượt, chủ yếu dùng để gỡ kim số 10, số 3 | cái  | 2                    | 1           | 3         |         |
| 52  | Gôm bút chì, kích thước tối thiểu 4x2mm                                                                                                                     | cái  | 19                   | 3           | 22        |         |
| 53  | Gọt bút chì                                                                                                                                                 | cái  | 11                   | 0           | 11        |         |
| 54  | Hồ dán (dạng keo lỏng, đầu bôi keo dạng lưới)                                                                                                               | Lọ   | 36                   | 342         | 378       |         |
| 55  | Hộp đựng bút: chất liệu nhựa, có thể xoay tròn, được chia làm nhiều ngăn                                                                                    | cái  | 2                    | 0           | 2         |         |
| 56  | Kéo cắt giấy 21mm                                                                                                                                           | Cái  | 13                   | 13          | 26        |         |
| 57  | Kéo cắt vải (lưỡi kéo được làm từ thép chống gỉ, chiều dài lưỡi kéo 22cm)                                                                                   | Cái  | 0                    | 3           | 3         |         |
| 58  | Kẹp 3 dây gáy 10 cm, bìa được sản xuất từ giấy với độ cứng cao, không cong gập                                                                              | cái  | 160                  | 0           | 160       |         |
| 59  | Kẹp 3 dây gáy 15 cm, bìa được sản xuất từ giấy với độ cứng cao, không cong gập                                                                              | cái  | 190                  | 0           | 190       |         |
| 60  | Kẹp 3 dây gáy 20cm, bìa được sản xuất từ giấy với độ cứng cao, không cong gập                                                                               | Cái  | 20                   | 40          | 60        |         |
| 61  | Kẹp 3 dây gáy 5 cm, bìa được sản xuất từ giấy với độ cứng cao, không cong gập                                                                               | cái  | 180                  | 0           | 180       |         |
| 62  | Kẹp 3 dây gáy 7cm, bìa được sản xuất từ giấy với độ cứng cao, không cong gập                                                                                | Cái  | 0                    | 40          | 40        |         |

H. PHO  
UNG T  
Y TẾ  
NH P  
Y HỒ  
★ N

*lane*



| STT | Nội dung                                                                                                                                                                                     | ĐVT   | Hệ dự<br>phòng –<br>Dân số | Hệ<br>điều trị | Tổng<br>cộng | Ghi<br>chú |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------|----------------------------|----------------|--------------|------------|
| 63  | Kẹp bướm nhỏ 15mm                                                                                                                                                                            | Hộp   | 65                         | 0              | 65           |            |
| 64  | Kẹp bướm nhỏ 19mm                                                                                                                                                                            | Hộp   | 30                         | 0              | 30           |            |
| 65  | Kẹp bướm nhỏ 25mm                                                                                                                                                                            | Hộp   | 69                         | 62             | 131          |            |
| 66  | Kẹp bướm nhỏ 32mm                                                                                                                                                                            | Hộp   | 58                         | 25             | 83           |            |
| 67  | Kẹp bướm nhỏ 41mm                                                                                                                                                                            | Cái   | 9                          | 24             | 33           |            |
| 68  | Kẹp bướm nhỏ 51mm                                                                                                                                                                            | hộp   | 9                          | 24             | 33           |            |
| 69  | Kệ đựng tài liệu nhựa 3 ngăn, đứng                                                                                                                                                           | cái   | 0                          | 3              | 3            |            |
| 70  | Khay mực lăn tay màu đỏ, R45 x D65 mm (1-3/4" x 2-1/2")                                                                                                                                      | Cái   | 1                          | 1              | 2            |            |
| 71  | Kim bấm 23/10                                                                                                                                                                                | hộp   | 2                          | 0              | 2            |            |
| 72  | Kim bấm 23/13                                                                                                                                                                                | hộp   | 1                          | 0              | 1            |            |
| 73  | Kim bấm 23/15                                                                                                                                                                                | hộp   | 1                          | 0              | 1            |            |
| 74  | Kim bấm 23/17                                                                                                                                                                                | hộp   | 1                          | 0              | 1            |            |
| 75  | Kim bấm 23/20                                                                                                                                                                                | hộp   | 1                          | 0              | 1            |            |
| 76  | Kim bấm 23/23                                                                                                                                                                                | hộp   | 1                          | 0              | 1            |            |
| 77  | Kim bấm 23/6                                                                                                                                                                                 | hộp   | 1                          | 0              | 1            |            |
| 78  | Kim bấm 23/8                                                                                                                                                                                 | hộp   | 3                          | 0              | 3            |            |
| 79  | Kim bấm giấy số 10                                                                                                                                                                           | Hộp   | 100                        | 473            | 573          |            |
| 80  | Kim bấm giấy số 3                                                                                                                                                                            | Hộp   | 8                          | 0              | 8            |            |
| 81  | Ghim kẹp giấy, làm bằng chất liệu kim loại không gỉ, kích thước tối thiểu 28mm                                                                                                               | Hộp   | 155                        | 93             | 248          |            |
| 82  | Máy tính cầm tay (Loại để bàn, 12 chữ số, chế độ sử dụng năng lượng mặt trời được bật khi đủ sáng, chế độ pin được bật khi không đủ sáng, Kích thước (Sâu x Rộng x Cao) : 175x129x33 mm ±1mm | cái   | 5                          | 0              | 5            |            |
| 83  | Mực dầu màu đỏ dung tích 28ml                                                                                                                                                                | lọ    | 12                         | 12             | 24           |            |
| 84  | Mực dầu màu xanh dung tích 28ml                                                                                                                                                              | lọ    | 5                          | 11             | 16           |            |
| 85  | Pin 3V (pin cúc khuy áo)                                                                                                                                                                     | Viên  | 0                          | 28             | 28           |            |
| 86  | Pin AA                                                                                                                                                                                       | Viên  | 209                        | 210            | 419          |            |
| 87  | Pin AAA                                                                                                                                                                                      | Viên  | 72                         | 120            | 192          |            |
| 88  | Pin vuông 9V                                                                                                                                                                                 | Viên  | 0                          | 30             | 30           |            |
| 89  | Sổ ca rô, kích thước 20cm x 30cm, tối thiểu 200 trang                                                                                                                                        | Quyển | 33                         | 32             | 65           |            |
| 90  | Sổ ca rô, kích thước 30cm x 40cm, tối thiểu 200 trang                                                                                                                                        | Quyển | 0                          | 4              | 4            |            |

*frano*

| STT | Nội dung                                                                                                          | ĐVT   | Hệ dự<br>phòng –<br>Dân số | Hệ<br>điều trị | Tổng<br>cộng | Ghi<br>chú |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------|----------------------------|----------------|--------------|------------|
| 91  | Sổ công tác kích thước tối thiểu<br>15x20cm, bìa da màu xanh, số trang trên<br>100 tờ, định lượng giấy trên 70gsm | Quyển | 20                         | 2              | 22           |            |
| 92  | Sổ công văn đến                                                                                                   | Quyển | 1                          | 0              | 1            |            |
| 93  | Sổ công văn đi                                                                                                    | Quyển | 16                         | 2              | 18           |            |
| 94  | Thước kẻ dài 20 cm                                                                                                | Cái   | 2                          | 0              | 2            |            |
| 95  | Thước kẻ dài 30 cm                                                                                                | Cái   | 2                          | 0              | 2            |            |
| 96  | Thước kẻ dài 50 cm                                                                                                | Cái   | 5                          | 5              | 10           |            |
| 97  | Vở học sinh 4 ô ly 100 trang                                                                                      | Quyển | 53                         | 39             | 92           |            |

**Lưu ý:**

- Gói thầu được thực hiện từ 01/01/2025 – 31/12/2025, dự kiến định kỳ giao hàng từ ngày 05-10 hàng tháng hoặc tháng thứ ba của mỗi quý khi có thông báo của Trung tâm Y tế TP Tuy Hòa.
- Loại hợp đồng: Đơn giá cố định.

*frane*





## MẪU CHÀO GIÁ HÀNG HÓA

Kính gửi: .....

### 1. Báo giá hàng hóa

| STT | Tên hàng hóa | Yêu cầu kỹ thuật, cấu hình, đặc điểm của sản phẩm | Nhãn hiệu, model, hãng sản xuất | Đơn vị tính | Số lượng | Đơn giá | Chi phí cho các dịch vụ liên quan (nếu có) | Thuế phí, lệ phí (nếu có) | Thành tiền |
|-----|--------------|---------------------------------------------------|---------------------------------|-------------|----------|---------|--------------------------------------------|---------------------------|------------|
| 1   |              |                                                   |                                 |             |          |         |                                            |                           |            |
| 2   |              |                                                   |                                 |             |          |         |                                            |                           |            |
| ... |              |                                                   |                                 |             |          |         |                                            |                           |            |
| n   |              |                                                   |                                 |             |          |         |                                            |                           |            |

### 2. Hiệu lực báo giá

### 3. Cam kết

..., ngày .... tháng .... năm ....  
Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp  
(ký tên, đóng dấu (nếu có))